PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Thông tư số 20/2013/TT-BLĐTBXH ngày 04 tháng 10 năm 2013 ban hành Danh mục thiết bị dạy nghề trình độ Trung cấp nghề, trình độ Cao đẳng nghề cho các nghề: Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế; Kỹ thuật thiết bị hình ảnh y tế; Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện; Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh; Quản trị cơ sở dữ liệu; Tin học văn phòng; Điều khiển tầu cuốc; Khảo sát địa hình; Bảo vệ môi trường biển; Công nghệ sinh học; Trồng cây lương thực, thực phẩm; Nghiệp vụ Lễ tân - Quản trị Lễ tân

Phụ lục

DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO CÁC NGHỀ: KỸ THUẬT THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ Y TẾ; KỸ THUẬT THIẾT BỊ HÌNH ẢNH Y TẾ; VẬN HÀNH VÀ SỬA CHỮA TRẠM BƠM ĐIỆN; VẬN HÀNH, SỬA CHỮA THIẾT BỊ LẠNH; QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU; TIN HỌC VĂN PHÒNG; ĐIỀU KHIỂN TẦU CUỐC; KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH; BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN; CÔNG NGHỆ SINH HỌC; TRỒNG CÂY LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM; NGHIỆP VỤ LỄ TÂN - QUẢN TRỊ LỄ TÂN

TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CAO ĐẲNG NGHỀ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BLĐTBXH ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

(Tiếp theo Công báo số 765 + 766)

DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ NGHIỆP VỤ LỄ TÂN

Tên nghề: Nghiệp vụ Lễ tân
Mã nghề: 40810201
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Mục lục

Phần A. Danh mục thiết bị tối thiểu theo từng môn học, mô đun (bắt buộc)

Bảng 15. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Phục vụ khách lưu trú (MĐ 21)

Bảng 16. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Trả buồng và thanh toán (MĐ 22)

Bảng 17. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Báo cáo Lễ tân (MĐ 23)

Bảng 18. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Tin học Lễ tân (MĐ 24)

Bảng 19. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Ngoại ngữ chuyên ngành (Tiếng Anh) (MĐ 27)

Phần B. Tổng hợp thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Bảng 20. Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Danh sách hội đồng thẩm định danh mục thiết bị dạy nghề Nghiệp vụ lễ tân

Phần A
DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN (BẮT BUỘC)

Bảng 15. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): PHỤC VỤ KHÁCH LƯU TRÚ

Tên nghề: Nghiệp vụ Lễ tân
Mã số mô đun: MĐ 21
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm. Ghi và kẹp giấy	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	Quầy lễ tân	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn cách bố trí, sắp xếp thiết bị, dụng cụ tại quầy lễ tân; thực hành kỹ năng đón tiếp, làm thủ tục đăng ký, giao tiếp và thanh toán...	Kích thước phù hợp với phòng thực hành lễ tân
6	Kẹp lưu hồ sơ	Chiếc	03	Dùng để thực hành kỹ năng lưu hồ sơ	Loại thông dụng trên thị trường
7	Giá để chìa khóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sắp xếp và bảo quản chìa khóa	Loại thông dụng trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Chìa khóa	Bộ	01	Sử dụng để thực hành thao tác giao nhận và hướng dẫn khách sử dụng các loại khóa	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Khóa cơ	*Chiếc*	*10*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Khóa từ các loại	*Chiếc*	*10*		*Kích cỡ: ≥ (Dài: 5,6cm; Rộng: 4,2cm; Dày: 0,02cm);* *Kèm theo phần mềm quản lý khóa và bộ mã hóa thẻ*
9	Két sắt nhiều ngăn	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành sử dụng tại quầy lễ tân	Loại thông dụng trên thị trường
10	Tổng đài điện thoại	Bộ	01	Dùng để thực hành các kỹ năng liên quan đến điện thoại	Loại thông dụng trên thị trường. Có ít nhất 6 trung kế
11	Máy thanh toán thẻ tín dụng	Bộ	01	Dùng để thực hành quy trình thanh toán bằng thẻ tín dụng	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Máy thủ công	*Chiếc*	*02*		
	Máy tự động	*Chiếc*	*02*		
12	Máy mã hóa thẻ khóa khách sạn	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng mã hóa thẻ khóa từ	Loại thông dụng trên thị trường
13	Máy kiểm tra tiền	Chiếc	01	Dùng để thực hành thao tác kiểm tra tiền trong quá trình giao dịch	Loại thông dụng trên thị trường
14	Máy đếm tiền	Chiếc	01	Dùng để thực hành thao tác đếm tiền trong quá trình giao dịch	Loại thông dụng trên thị trường
15	Máy in	Chiếc	01	Dùng để thực hành in hóa đơn cho khách hàng	Loại thông dụng trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
16	Máy fax	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng máy	Loại thông dụng trên thị trường
17	Máy photocopy	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng vận hành sao chụp tài liệu	Loại thông dụng trên thị trường
18	Mẫu bảng giá ngoại tệ	Chiếc	01	Dùng để niêm yết tỷ giá các loại ngoại tệ phổ biến	Kích thước: ≥ (dài 60cm; rộng 40cm)
19	Bộ dấu	Bộ	01	Dùng để thực hành sử dụng con dấu vào các văn bản	Theo quy định hiện hành
	Mỗi bộ bao gồm:				
	- Dấu khách sạn có tên, địa chỉ, mã số thuế	*Chiếc*	*01*		
	- Dấu đã nhập chi phí	*Chiếc*	*01*		
	- Dấu đã xuất tiền mượn	*Chiếc*	*01*		
20	Giá để tờ rơi, tệp gấp, danh thiếp, bản đồ	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thông tin và quảng cáo, chỉ đường cho khách	Loại thông dụng trên thị trường
21	Phần mềm quản trị khách sạn	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm khi phục vụ khách lưu trú	Loại thông dụng trên thị trường
22	Phần mềm tổng đài	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm khi nghe, nhận, chuyển tiếp cuộc gọi	Loại thông dụng trên thị trường
23	Đồng hồ treo tường	Chiếc	06	Dùng để thông báo giờ quốc tế	Loại thông dụng trên thị trường
24	Bộ bàn, ghế	Bộ	01	Dùng cho khách ngồi nghỉ khi lễ tân thực hiện thao tác	Kích thước phù hợp với phòng thực hành

Bảng 16. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): TRẢ BUỒNG VÀ THANH TOÁN

Tên nghề: Nghiệp vụ Lễ tân
Mã số mô đun: MĐ 22
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	Quầy lễ tân	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn cách bố trí, sắp xếp thiết bị, dụng cụ tại quầy lễ tân; thực hành kỹ năng đón tiếp, làm thủ tục đăng ký, giao tiếp và thanh toán...	Kích thước phù hợp với phòng thực hành lễ tân
6	Kẹp lưu hồ sơ	Chiếc	03	Dùng để thực hành kỹ năng lưu hồ sơ	Loại thông dụng trên thị trường
7	Giá để chìa khóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sắp xếp và bảo quản chìa khóa buồng	Loại thông dụng trên thị trường
8	Chìa khóa	Bộ	01	Sử dụng để thực hành thao tác giao	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Khóa cơ	*Chiếc*	*10*	nhận và hướng dẫn khách sử dụng các loại khóa	*Loại thông dụng trên thị trường*
	Khóa từ các loại	*Chiếc*	*10*		*Kích cỡ:* *≥ (Dài: 5,6cm;* *Rộng: 4,2cm;* *Dày: 0,02cm);* *Kèm theo phần mềm quản lý khóa và bộ mã hóa thẻ*
9	Két sắt nhiều ngăn	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành sử dụng tại quầy lễ tân	Loại thông dụng trên thị trường
10	Tổng đài điện thoại	Bộ	01	Dùng để thực hành các kỹ năng liên quan đến điện thoại	Loại thông dụng trên thị trường. Có ít nhất 6 trung kế
11	Máy thanh toán thẻ tín dụng	Bộ	01	Dùng để thực hành quy trình thanh toán bằng thẻ tín dụng	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Máy thủ công	*Chiếc*	*02*		
	Máy tự động	*Chiếc*	*02*		
12	Máy mã hóa thẻ khóa khách sạn	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng mã hóa thẻ khóa từ	Loại thông dụng trên thị trường
13	Máy kiểm tra tiền	Chiếc	01	Dùng để thực hành thao tác kiểm tra tiền trong quá trình giao dịch	Loại thông dụng trên thị trường
14	Máy đếm tiền	Chiếc	01	Dùng để thực hành thao tác đếm tiền trong quá trình giao dịch	Loại thông dụng trên thị trường
15	Máy in	Chiếc	01	Dùng để thực hành in hóa đơn cho khách hàng	Loại thông dụng trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
16	Máy fax	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng máy	Loại thông dụng trên thị trường
17	Máy photocopy	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng vận hành sao chụp tài liệu	Loại thông dụng trên thị trường
18	Mẫu bảng giá ngoại tệ	Chiếc	01	Dùng để niêm yết tỷ giá các loại ngoại tệ phổ biến	Kích thước: ≥ (Dài 60cm; Rộng 40cm)
19	Bộ dấu	Bộ	01	Dùng để thực hành sử dụng con dấu vào các văn bản tại bộ phận lễ tân	Theo quy định hiện hành
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dấu khách sạn có tên, địa chỉ, mã số thuế	*Chiếc*	*01*		
	Dấu đã thanh toán	*Chiếc*	*01*		
	Dấu đã trả buồng	*Chiếc*	*01*		
20	Dụng cụ dập thời gian	Chiếc	02	Dùng để đóng dấu thời gian vào các việc ghi chép văn bản tại bộ phận lễ tân	Có các chữ số từ 0 đến 9
21	Giá để tờ rơi, tập gấp, danh thiếp, tờ góp ý	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thông tin và quảng cáo	Loại thông dụng trên thị trường
22	Phần mềm quản trị khách sạn	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm khi trả buồng	Loại thông dụng trên thị trường
23	Đồng hồ treo tường	Chiếc	06	Dùng để thông báo giờ quốc tế	Loại thông dụng trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
24	Bộ bàn, ghế	Bộ	01	Dùng cho khách ngồi nghỉ khi lễ tân thực hiện thao tác	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
25	Mẫu các loại thẻ thanh toán	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn cách nhận biết và sử dụng các loại thẻ thanh toán	Loại thông dụng tương ứng với phiên bản sử dụng trong thực tế
	Mỗi bộ Séc du lịch bao gồm:				
	Amex	*Chiếc*	*02*		
	Master	*Chiếc*	*02*		
	Visa	*Chiếc*	*02*		
	Mỗi bộ thẻ tín dụng bao gồm:				
	Amex	*Chiếc*	*02*		
	Visa	*Chiếc*	*02*		
	Master	*Chiếc*	*02*		
26	Máy tính cầm tay	Chiếc	02	Dùng để thực hành kỹ năng tính tiền	Loại thông dụng trên thị trường

Bảng 17. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): BÁO CÁO LỄ TÂN

Tên nghề: Nghiệp vụ Lễ tân
Mã số mô đun: MĐ 23
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W

Bảng 18. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): TIN HỌC LỄ TÂN

Tên nghề: Nghiệp vụ Lễ tân
Mã số mô đun: MĐ 24
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để thực hành kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của phần mềm quản trị khách sạn	- Loại thông dụng trên thị trường - Cài đặt phần mềm quản trị khách sạn
3	Máy in	Chiếc	01	Dùng để thực hành in văn bản	Loại thông dụng trên thị trường
4	Phần mềm quản lý khách sạn	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm	Phiên bản thông dụng. Cài đặt được 19 máy
5	Hệ thống mạng LAN	Bộ	01	Dùng để thực hành kết nối mạng nội bộ và mạng internet	Kết nối được 19 máy vi tính và có đường truyền internet

Bảng 19. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH
(TIẾNG ANH)

Tên nghề: Nghiệp vụ Lễ tân
Mã số mô đun: MĐ 27
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phòng Lab	Phòng	01	Dùng để rèn luyện kỹ năng nghe, nói, trao đổi thông tin giữa giáo viên và sinh viên, đánh giá trình độ của sinh viên	Đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
3	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
4	Máy cassette	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng nghe hiểu ngoại ngữ	Loại thông dụng trên thị trường. Đáp ứng kết nối VCD, DVD, USB
5	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy

Phần B
TỔNG HỢP THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Bảng 20. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Tên nghề: Nghiệp vụ Lễ tân

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Dùng cho lớp học thực hành tối đa 18 học sinh và lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	THIẾT BỊ AN TOÀN			
1	Biển báo 02 mặt	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
2	Bảng chỉ dẫn thoát hiểm	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
3	Dụng cụ chữa cháy cơ bản	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bình bột	*Chiếc*	*01*	
	Bình bọt	*Chiếc*	*01*	
	Bình khí CO_2	*Chiếc*	*01*	
4	Bộ dụng cụ sơ cấp cứu	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về thiết bị Y tế
	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ CHUYÊN NGÀNH			
5	Máy in	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
6	Máy fax	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
7	Máy Scan	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
8	Máy Photocopy	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
9	Điện thoại để bàn	Chiếc	02	- Loại thông dụng trên thị trường - Được kết nối cặp song song
10	Gương soi	Chiếc	04	Kích thước: ≥ 0,8m x 1,6m
11	Hộp đựng danh thiếp	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
12	Sổ lưu danh thiếp	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
13	La bàn	Chiếc	06	Loại thông dụng trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
14	Mẫu các loại thẻ thanh toán	Bộ	01	Loại thông dụng tương ứng với phiên bản sử dụng trong thực tế
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Séc du lịch:			
	Amex	*Chiếc*	*02*	
	Citicop		*02*	
	Visa		*02*	
	Thẻ tín dụng:			
	Amex	*Chiếc*	*02*	
	Visa		*02*	
	Master		*02*	
15	Máy kiểm tra tiền	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
16	Máy đếm tiền	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
17	Kẹp lưu hồ sơ	Chiếc	07	Loại thông dụng trên thị trường
18	Tủ đựng hồ sơ	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
19	Dấu thời gian	Chiếc	02	Có các chữ số từ 0 đến 9
20	Tủ lạnh	Chiếc	01	Dung tích phù hợp với diện tích và bố trí trong phòng thực hành buồng
21	Dụng cụ mở rượu, bia	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
22	Giá hành lý	Chiếc	01	Kích thước phù hợp diện tích buồng
23	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01	Kích thước phù hợp diện tích buồng
24	Bàn, ghế trang điểm	Bộ	01	Kích thước phù hợp diện tích buồng. Có gương soi
25	Dép đi trong phòng	Đôi	04	Kích thước, chủng loại phù hợp với bố trí tại buồng ngủ
26	Tranh treo tường	Chiếc	02	Kích thước phù hợp với diện tích buồng
27	Máy điều hòa	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
28	Giường ngủ	Bộ	01	Kích thước theo tiêu chuẩn thông dụng của các khách sạn
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Giường đôi	*Chiếc*	*01*	
	Giường đơn	*Chiếc*	*01*	
	Giường phụ (extra - bed)	*Chiếc*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
29	Cũi cho em bé	Chiếc	01	Kích thước và chủng loại phù hợp với bố trí tại buồng ngủ
30	Đồ vải trải giường	Bộ	01	Kích thước thông dụng, phù hợp với các cỡ giường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ga trải giường đơn	*Chiếc*	*04*	
	Ga trải giường đôi	*Chiếc*	*02*	
	Vỏ chăn	*Chiếc*	*06*	
	Chăn	*Chiếc*	*03*	
	Tấm bảo vệ nệm đơn	*Chiếc*	*02*	
	Tấm bảo vệ nệm đôi	*Chiếc*	*01*	
	Gối	*Chiếc*	*08*	
	Vỏ gối	*Chiếc*	*16*	
	Gối trang trí	*Chiếc*	*04*	
	Dải trang trí giường đơn	*Chiếc*	*02*	
	Dải trang trí giường đôi	*Chiếc*	*01*	
31	Tủ quần áo	Chiếc	01	- Kích thước phù hợp với kích cỡ phòng; - Có móc treo áo quần
32	Mắc treo quần áo	Chiếc	10	Kích thước, chủng loại phù hợp với bố trí tại buồng ngủ
33	Két an toàn cá nhân	Chiếc	01	Kích thước: ≥ 23cm x 40cm x 34cm
34	Cây đeo giày	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
35	Rèm cửa sổ	Bộ	01	Gồm 2 lớp: 1 lớp mỏng và 1 lớp dày
36	Chuông gọi cửa	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
37	Bộ bàn trà	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bàn trà	*Chiếc*	*01*	
	Ghế	*Chiếc*	*02*	
	Bộ ly tách: *- Ấm trà* *- Ly*	*Bộ* *Chiếc* *Chiếc*	*01* *01* *02*	
38	Gạt tàn	Chiếc	01	Kích thước phù hợp kích cỡ bàn

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
39	Bộ đèn	Bộ	01	Kích thước thông dụng, phù hợp với bố trí trong buồng ngủ
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Đèn đọc sách	*Chiếc*	*02*	
	Đèn ngủ	*Chiếc*	*02*	
	Đèn đứng	*Chiếc*	*01*	
40	Đồ cung cấp dành cho khách.	Bộ	01	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ấm đun nước siêu tốc	*Chiếc*	*01*	Dung tích: ≥ 0,7 lít; Công suất: ≥ 1000W
	Cân sức khỏe	*Chiếc*	*01*	Loại thông dụng trên thị trường
	Máy sấy tóc	*Chiếc*	*01*	Công suất: ≥ 750W
	Lọ hoa	*Chiếc*	*02*	Kích thước, chủng loại phù hợp với bố trí tại buồng ngủ
	Thùng rác	*Chiếc*	*02*	Có nắp đậy. Kích thước phù hợp với bố trí tại buồng ngủ
41	Đồ vải cung cấp trong phòng tắm	Bộ	03	Kích thước thông dụng được sử dụng tại các khách sạn
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Khăn tắm	*Chiếc*	*02*	
	Khăn tay	*Chiếc*	*02*	
	Khăn mặt	*Chiếc*	*02*	
	Thảm chân	*Chiếc*	*01*	
	Áo choàng tắm	Chiếc	02	
42	Xí bệt	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
43	Bồn tắm	Chiếc	01	
44	Chậu rửa mặt	Chiếc	01	
45	Máy hút bụi	Chiếc	01	Công suất: ≥ 1000W; Dung tích: ≥ 10 lít; Có chức năng hút khô và ướt
46	Xe đẩy phục vụ buồng	Chiếc	01	Có 2 đến 3 ngăn chứa đồ cung cấp, có túi chứa rác và túi chứa đồ vải bẩn riêng biệt

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
47	Bộ dụng cụ lau sàn	Bộ	02	Loại thông dụng trên thị trường
48	Dụng cụ lau bụi khô	Chiếc	02	Cán dài: ≥ 1,6m
49	Đèn pin	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
50	Thanh gạt gương	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
51	Khăn vệ sinh	Chiếc	30	Loại thông dụng trên thị trường
52	Bộ đàm	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
53	Bàn các loại	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bàn chữ nhật	*Chiếc*	*02*	
	Bàn vuông	*Chiếc*	*02*	
	Bàn tròn	*Chiếc*	*02*	
	Bàn chờ	*Chiếc*	*02*	
54	Ghế tựa	Chiếc	24	Phù hợp với kích thước bàn và loại hình nhà hàng
55	Ghế cho trẻ em	Chiếc	01	Phù hợp với kích thước bàn và loại hình nhà hàng
56	Ly các loại	Bộ	24	- Loại thông dụng trên thị trường - Phù hợp với thực đơn đồ uống
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ly vang trắng	*Chiếc*	*01*	
	Ly vang đỏ	*Chiếc*	*01*	
	Ly highball	*Chiếc*	*01*	
	Ly rock	*Chiếc*	*01*	
	Ly martini	*Chiếc*	*01*	
57	Bộ đồ ăn Á	Bộ	24	- Loại thông dụng trên thị trường - Phù hợp với thực đơn Á
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Chén	*Chiếc*	*01*	
	Đĩa kê	*Chiếc*	*01*	
	Đũa	*Đôi*	*01*	
	Thìa (muỗng)	*Chiếc*	*01*	
	Gối đũa	*Chiếc*	*01*	
	Chén tương	*Chiếc*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Lọ mắm	*Chiếc*	*01*	
	Lọ xì dầu	*Chiếc*	*01*	
58	Bộ đồ ăn Âu	Bộ	24	- Loại thông dụng trên thị trường - Phù hợp với thực đơn Âu
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Đĩa bánh mỳ và dao ăn bơ	*Bộ*	*01*	
	Đĩa định vị, khai vị và ăn chính	*Bộ*	*01*	
	Bộ dao, thìa, nĩa khai vị	*Bộ*	*01*	
	Bộ dao, thìa, nĩa ăn chính	*Bộ*	*01*	
	Bộ dao, thìa, nĩa tráng miệng	*Bộ*	*01*	
	Lọ tiêu	*Chiếc*	*01*	
	Lọ muối	*Chiếc*	*01*	
59	Bộ dụng cụ phục vụ trà, cà phê	Bộ	05	- Loại thông dụng trên thị trường. - Phù hợp thực đơn uống
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ấm	*Chiếc*	*01*	
	Ly trà/cà phê	*Chiếc*	*01*	
	Đĩa kê	*Chiếc*	*01*	
	Thìa trà/cà phê	*Chiếc*	*01*	
60	Bộ đồ vải	Bộ	01	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Khăn trải bàn	*Chiếc*	*12*	*Khăn bàn trang trí phù hợp với kích cỡ bàn*
	Khăn ăn	*Chiếc*	*48*	*Kích thước: ≥ 50cm* x *50cm*
	Khăn phục vụ	*Chiếc*	*24*	*Kích thước: ≥ 30cm* x *70cm*
	Khăn vệ sinh	*Chiếc*	*19*	*Khăn vệ sinh đa năng phải hút nước*
	Bộ vải bao bàn và trang trí bàn buffet	*Bộ*	*02*	*Bộ vải bao phù hợp với kích thước của bàn và theo tiêu chuẩn phục vụ*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
61	Bộ khay phục vụ nhà hàng	Bộ	04	Khay chống trơn trượt với kích thước thích hợp cho việc phục vụ
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Khay hình chữ nhật	*Chiếc*	*01*	
	Khay hình tròn	*Chiếc*	*01*	
62	Giá để khay	Chiếc	04	Kích cỡ và kiểu dáng phù hợp với từng loại khay
63	Tủ đựng dụng cụ phục vụ	Chiếc	02	Kích cỡ: ≥ 1,5m x 1,5m; Có phân tầng, ngăn
64	Tủ bảo quản rượu vang	Chiếc	01	Dung tích: ≥ 34 chai
65	Tủ lạnh	Chiếc	01	Dung tích: ≥ 450 lít. Phù hợp với diện tích và bố trí phòng thực hành nhà hàng
66	Xe đẩy phục vụ (nhà hàng)	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
67	Thùng rác	Chiếc	02	- Có nắp đậy; - Chất liệu bằng nhựa hoặc inox; - Kích thước: ≥ 50cm x 30cm
68	Lọ hoa	Chiếc	04	Phù hợp với loại bàn và bố trí tại nhà hàng
69	Bộ dấu	Bộ	01	Theo quy định hiện hành
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Dấu khách sạn có tên, địa chỉ, mã số thuế	*Chiếc*	*01*	
	Dấu đã đặt cọc	*Chiếc*	*01*	
	Dấu đã xác nhận	*Chiếc*	*01*	
	Dấu chỉnh sửa đặt buồng	*Chiếc*	*01*	
	Dấu hủy buồng	*Chiếc*	*01*	
	Dấu đã nhập chi phí	*Chiếc*	*01*	
	Dấu đã xuất tiền mượn	*Chiếc*	*01*	
	Dấu đã thanh toán	*Chiếc*	*01*	
	Dấu đã trả buồng	*Chiếc*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
70	Giá để tờ rơi, tệp gấp, danh thiếp	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
71	Quầy lễ tân	Chiếc	01	Kích thước phù hợp với phòng thực hành lễ tân
72	Giá để chìa khóa	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
73	Chìa khóa	Bộ	01	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Khóa cơ	*Chiếc*	*10*	*Có bảng gỗ (nhựa) đánh số buồng*
	Khóa từ các loại	*Chiếc*	*10*	*Kích cỡ: ≥ (Dài 5,6cm; Rộng: 4,2cm; Dày: 0,02cm);* *Kèm theo phần mềm quản lý khóa và bộ mã hóa thẻ*
74	Két sắt nhiều ngăn	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
75	Tổng đài điện thoại	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường. Có ít nhất 6 trung kế
76	Máy mã hóa thẻ khóa khách sạn	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
77	Xe đẩy hành lý	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
78	Mẫu bảng giá ngoại tệ	Chiếc	01	Kích thước: ≥ (Dài 60cm; Rộng 40cm)
79	Bộ bàn, ghế	Bộ	01	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
80	Máy tính cầm tay	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
81	Đồng hồ treo tường	Chiếc	06	- Loại thông dụng trên thị trường - Phù hợp với quầy Lễ tân
82	Máy thanh toán thẻ tín dụng	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Máy thủ công	*Chiếc*	*02*	
	Máy tự động	*Chiếc*	*02*	
83	Phòng Lab	Phòng	01	Đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
84	Máy cassette	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường. Đáp ứng kết nối VCD, DVD, USB
85	Phần mềm kế toán	Bộ	01	Phiên bản thông dụng và cài đặt được 19 máy vi tính
86	Phần mềm tổng đài	Bộ	01	Phiên bản thông dụng trên thị trường
87	Phần mềm quản lý khách sạn	Bộ	01	Phiên bản thông dụng và cài đặt được 19 máy vi tính
	THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO			
88	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
89	Máy vi tính	Bộ	19	- Loại thông dụng trên thị trường - Cài đặt được phần mềm dạy tiếng anh, phần mềm quản lý khách sạn, phần mềm tổng đài.
90	Tivi	Chiếc	01	Màn hình: ≥ 32 inches
91	Bảng di động	Chiếc	02	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy.
92	Loa	Chiếc	01	Công suất: ≥ 10W
93	Hệ thống mạng LAN	Bộ	01	Kết nối được 19 máy và có đường truyền internet

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ QUẢN TRỊ LỄ TÂN

Trình độ: Trung cấp nghề

(Kèm theo Quyết định số 1634/QĐ-BLĐTBXH ngày 13 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ trong Hội đồng thẩm định
1	Ông Nguyễn Ngọc Tám	Kỹ sư	Chủ tịch HĐTĐ
2	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thạc sỹ	P. Chủ tịch HĐTĐ
3	Ông Vũ Đức Thoan	Thạc sỹ kỹ thuật	Ủy viên thư ký
4	Bà Đinh Nguyễn Mai Na	Thạc sỹ Quản trị lễ tân	Ủy viên
5	Bà Hồ Thị Thúy Nga	Thạc sỹ Quản trị lễ tân	Ủy viên
6	Bà Phan Thị Thu Hằng	Thạc sỹ Quản trị lễ tân	Ủy viên
7	Bà Phan Thị Kim Chi	Thạc sỹ Quản trị lễ tân	Ủy viên

DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
DẠY NGHỀ QUẢN TRỊ LỄ TÂN

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BLĐTBXH ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*)

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã nghề: 50810201
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Mục lục

Phần thuyết minh

Phần A. Danh mục thiết bị tối thiểu theo từng môn học, mô đun (bắt buộc)

Bảng 1. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Tổng quan du lịch và khách sạn (MH 07)

Bảng 2. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Tâm lý và giao tiếp trong du lịch (MH 08)

Bảng 3. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Địa lý du lịch Việt Nam (MH 09)

Bảng 4. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Marketing du lịch (MH 10)

Bảng 5. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Kỹ năng bán hàng (MH 11)

Bảng 6. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Tổ chức kinh doanh khách sạn (MH 12)

Bảng 7. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Chăm sóc khách hàng (MH 13)

Bảng 8. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Kế toán khách sạn (MH 14)

Bảng 9. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Nghiệp vụ thanh toán (MH 15)

Bảng 10. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Nghiệp vụ văn phòng (MH 16)

Bảng 11. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ buồng (MĐ 17)

Bảng 12. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ nhà hàng (MĐ 18)

Bảng 13. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): An toàn an ninh khách sạn (MĐ 19)

Bảng 14. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Đăng ký giữ chỗ (MĐ 20)

Bảng 15. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Đón tiếp và đăng ký khách lưu trú (MĐ 21)

Bảng 16. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Phục vụ khách lưu trú (MĐ 22)

Bảng 17. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Trả buồng và thanh toán (MĐ 23)

Bảng 18. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Báo cáo lễ tân (MĐ 24)

Bảng 19. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Tin học lễ tân (MĐ 25)

Bảng 20. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Cơ sở vật chất kỹ thuật khách sạn (MĐ 26)

Bảng 21. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch (MH 27)

Bảng 22. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Quản trị nguồn nhân lực (MH 28)

Bảng 23. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Tổ chức giám sát và đào tạo tại bộ phận Lễ tân (MĐ 29)

Bảng 24. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ Lễ tân nâng cao (MĐ 30)

Bảng 25. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Ngoại ngữ chuyên ngành cơ bản (tiếng Anh) (MĐ 33)

Bảng 26. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Ngoại ngữ chuyên ngành (tiếng Anh) (MĐ 34)

Phần B. Tổng hợp thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Bảng 27. Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Danh sách hội đồng thẩm định danh mục thiết bị dạy nghề Quản trị lễ tân.

PHẦN THUYẾT MINH

Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Quản trị Lễ tân trình độ cao đẳng nghề là danh mục các loại thiết bị dạy nghề (dụng cụ, mô hình, bộ phận của thiết bị, thiết bị hoàn chỉnh…) và số lượng tối thiểu của từng loại thiết bị dạy nghề mà Trường đào tạo nghề trên phải trang bị để tổ chức dạy và học cho 01 lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên và lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, theo chương trình khung trình độ cao đẳng nghề Quản trị Lễ tân đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2012.

I. Nội dung danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Quản trị Lễ tân

1. Phần A. Danh mục thiết bị tối thiểu theo từng môn học, mô đun (bắt buộc, tự chọn).

Chi tiết từ bảng 01 đến bảng 26, danh mục thiết bị tối thiểu cho từng môn học, mô đun bao gồm:

- Chủng loại và số lượng thiết bị tối thiểu, cần thiết đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

- Yêu cầu sư phạm của thiết bị.

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị bao gồm các thông số kỹ thuật chính, cần thiết của thiết bị, đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

2. Phần B. Tổng hợp thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Bảng 27. Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc Trong bảng này:

- Chủng loại thiết bị là tất cả thiết bị có trong danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc;

- Số lượng thiết bị của từng chủng loại là số lượng tối thiểu đáp ứng yêu cầu của các môn học, mô đun bắt buộc;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của mỗi chủng loại thiết bị đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của chủng loại đó trong các môn học, mô đun bắt buộc.

II. Áp dụng danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Quản trị Lễ tân

Các Trường đào tạo nghề Quản trị Lễ tân, trình độ cao đẳng nghề đầu tư thiết bị dạy nghề theo:

1. Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc (bảng 27).

2. Danh mục thiết bị bổ sung tương ứng với môn học, mô đun tự chọn. Loại bỏ thiết bị trùng lặp giữa các môn học, mô đun tự chọn (nếu có).

3. Quy mô, kế hoạch đào tạo cụ thể của trường (có tính đến thiết bị sử dụng chung giữa các nghề khác nhau trong trường).

Phần A
DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN (BẮT BUỘC)

Bảng 1. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): TỔNG QUAN DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã số môn học: MH 7
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W

Bảng 2. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): TÂM LÝ VÀ GIAO TIẾP TRONG DU LỊCH

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã số môn học: MH 8
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	Điện thoại để bàn	Chiếc	02	Dùng để thực hành kỹ năng giao tiếp qua điện thoại	- Loại thông dụng trên thị trường. - Được kết nối cặp song song
6	Hộp đựng danh thiếp	Chiếc	02	Dùng để thực hành kỹ năng trao, nhận danh thiếp trong quá giao tiếp	Loại thông dụng trên thị trường
7	Sổ lưu danh thiếp	Chiếc	02	Dùng để thực hành lưu trữ danh thiếp	Loại thông dụng trên thị trường
8	Gương soi	Chiếc	04	Dùng để điều chỉnh, tự kiểm tra phong cách kỹ năng giao tiếp không lời	Kích thước: ≥ 800mm x 1600mm

Bảng 3. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã số môn học: MH 9
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	La bàn	Chiếc	06	Dùng để hướng dẫn học viên cách xác định hướng khi di chuyển	Loại thông dụng trên thị trường

Bảng 4. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): MARKETING DU LỊCH

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã số môn học: MH 10
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W

Bảng 5. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): KỸ NĂNG BÁN HÀNG

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã số môn học: MH 11
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W

Bảng 6. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): TỔ CHỨC KINH DOANH KHÁCH SẠN

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã số môn học: MH 12
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W

Bảng 7. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã số môn học: MH 13
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W

Bảng 8. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): KẾ TOÁN KHÁCH SẠN

Tên nghề: Quản trị lễ tân
Mã số môn học: MH 14
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	Máy tính cầm tay	Chiếc	06	Dùng để thực hành nghiệp vụ kế toán khách sạn	Loại thông dụng trên thị trường

Bảng 9. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): NGHIỆP VỤ THANH TOÁN

Tên nghề: Quản trị lễ tân
Mã số môn học: MH 15
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	Mẫu các loại thẻ thanh toán	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn cách nhận biết các loại thẻ	Loại thông dụng tương ứng với phiên bản sử dụng trong thực tế
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Séc du lịch				
	Amex	*Chiếc*	*02*		
	Master Card	*Chiếc*	*02*		
	Visa	*Chiếc*	*02*		
	Thẻ tín dụng				
	Amex	*Chiếc*	*02*		
	Visa,	*Chiếc*	*02*		
	Master	*Chiếc*	*02*		
6	Máy in	Chiếc	01	Dùng để in các loại văn bản, hóa đơn khi thực hành	Loại thông dụng trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
7	Máy kiểm tra tiền	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn các thao tác kiểm tra tiền trong quá trình giao dịch thanh toán	Loại thông dụng trên thị trường
8	Máy thanh toán thẻ tín dụng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành nghiệp vụ thanh toán	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Máy thủ công	*Chiếc*	*02*		
	Máy tự động	*Chiếc*	*02*		
9	Máy đếm tiền	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành trong quá trình giao dịch	Loại thông dụng trên thị trường

Bảng 10. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): NGHIỆP VỤ VĂN PHÒNG

Tên nghề: Quản trị lễ tân
Mã số môn học: MH 16
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	19		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	Tủ đựng hồ sơ	Chiếc	02	Dùng lưu hồ sơ, văn bản đến và đi	Loại thông dụng trên thị trường
6	Kẹp lưu hồ sơ	Chiếc	07	Dùng để thực hành kỹ năng lưu hồ sơ	Loại thông dụng trên thị trường
7	Máy in	Chiếc	01	Dùng để thực hành in biểu mẫu	Loại thông dụng trên thị trường
8	Máy fax	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng nhận và chuyển thông tin	Loại thông dụng trên thị trường
9	Máy photocopy	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn kỹ năng vận hành sao chụp tài liệu	Loại thông dụng trên thị trường
10	Dấu thời gian	Chiếc	02	Dùng để đóng dấu thời gian vào các việc ghi chép văn bản	Có các chữ số từ 0 đến 9
11	Máy Scan	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn cách sử dụng sao chép tài liệu	Loại thông dụng trên thị trường

Bảng 11. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): NGHIỆP VỤ BUỒNG

Tên nghề: Quản trị lễ tân
Mã số mô đun: MĐ 17
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	Tivi	Chiếc	01	Dùng để thực hành sắp xếp, làm vệ sinh	Màn hình: ≥ 32 inches
6	Tủ lạnh	Chiếc	01	Dùng để rèn luyện kỹ năng làm vệ sinh và thực hiện sắp xếp	Dung tích phù hợp với diện tích và bố trí trong phòng
7	Dụng cụ mở rượu, bia	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu cách sử dụng	Loại thông dụng trên thị trường
8	Giá hành lý	Chiếc	01	Dùng để rèn luyện kỹ năng sắp xếp và làm vệ sinh	Kích thước phù hợp diện tích buồng
9	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01	Dùng để rèn luyện kỹ năng sắp xếp và đặt vật dụng, ấn phẩm trên bàn	Kích thước phù hợp diện tích buồng
10	Bàn, ghế trang điểm	Bộ	01	Dùng để thực hành sắp xếp và làm vệ sinh	- Kích thước phù hợp diện tích buồng. - Có gương soi

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Điện thoại để bàn	Chiếc	02	Dùng để thực hành sắp xếp và làm vệ sinh	Loại thông dụng trên thị trường
12	Dép đi trong phòng	Đôi	04	Dùng để thực hành sắp xếp và làm vệ sinh	Kích thước, chủng loại phù hợp với bố trí tại buồng ngủ
13	Tranh treo tường	Chiếc	02	Dùng để thực hành kiểm tra và lau bụi	Kích thước phù hợp với diện tích buồng
14	Máy điều hòa	Chiếc	01	Dùng để thực hành sử dụng và làm vệ sinh	Loại thông dụng trên thị trường
15	Giường ngủ	Bộ	01	Dùng để thực hành quy trình sắp xếp, trang trí	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giường đôi	*Chiếc*	*01*		
	Giường đơn	*Chiếc*	*01*		
	Giường phụ (extra-bed)	*Chiếc*	*01*		
16	Cũi cho em bé	Chiếc	01	Dùng để thực hành vệ sinh, bảo dưỡng	Kích thước, chủng loại phù hợp với bố trí tại buồng ngủ
17	Đồ vải trải giường	Bộ	01	- Dùng để hướng dẫn nhận biết các loại đồ vải; - Dùng để thực hành sắp xếp đồ vải và làm giường	Kích thước thông dụng, phù hợp với các cỡ giường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ga trải giường đơn	*Chiếc*	*04*		
	Ga trải giường đôi	*Chiếc*	*02*		
	Vỏ chăn	*Chiếc*	*06*		
	Chăn	*Chiếc*	*03*		
	Tấm bảo vệ nệm đơn	*Chiếc*	*02*		
	Tấm bảo vệ nệm đôi	*Chiếc*	*01*		
	Gối	*Chiếc*	*08*		
	Vỏ gối	*Chiếc*	*16*		
	Gối trang trí	*Chiếc*	*04*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Dải trang trí giường đơn	*Chiếc*	*02*		
	Dải trang trí giường đôi	*Chiếc*	*01*		
18	Tủ quần áo	Chiếc	01	- Dùng để thực hành sắp xếp đồ dùng trong tủ; - Thực hiện vệ sinh; - Kiểm tra buồng khách trả	- Kích thước phù hợp với diện tích buồng; - Có móc treo áo quần
19	Mắc treo quần áo	Chiếc	10	Sử dụng trong quá trình thực hành	Kích thước, chủng loại phù hợp với bố trí tại buồng ngủ
20	Két an toàn cá nhân	Chiếc	01	Dùng để thực hành cách sử dụng két	Kích thước: ≥ 23cm x 40cm x 34cm
21	Cây đeo giày	Chiếc	01	Sử dụng trong quá trình thực hành	Loại thông dụng trên thị trường
22	Rèm cửa sổ	Bộ	01	Dùng để thực hành chỉnh trang buồng và hút bụi làm vệ sinh	Gồm 2 lớp: 1 lớp mỏng và 1 lớp dày
23	Biển báo hai mặt	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn nhận biết thông tin và thực hành kỹ năng phục vụ buồng	Loại thông dụng trên thị trường
24	Bảng chỉ dẫn thoát hiểm	Chiếc	01	Dùng để chỉ dẫn lối thoát hiểm	Loại thông dụng trên thị trường
25	Chuông gọi cửa	Chiếc	01	Sử dụng trong quá trình thực hành	Loại thông dụng trên thị trường
26	Bộ bàn trà	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sắp xếp bàn ghế và các vật dụng trên bàn	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bàn trà	*Chiếc*	*01*		
	Ghế	*Chiếc*	*02*		
	Bộ ly tách: *- Ấm trà* *- Ly*	*Bộ* *Chiếc* *Chiếc*	*01* *01* *02*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
27	Gạt tàn	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sắp đặt và làm vệ sinh	Kích thước phù hợp kích cỡ bàn
28	Bộ đèn	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sắp đặt và làm vệ sinh	Kích thước thông dụng, phù hợp với bố trí trong buồng ngủ
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Đèn đọc sách	*Chiếc*	*02*		
	Đèn ngủ	*Chiếc*	*02*		
	Đèn đứng	*Chiếc*	*01*		
29	Đồ cung cấp dành cho khách	Bộ	01	- Dùng để giới thiệu các dồ dùng phục vụ khách lưu trú; - Dùng để kiểm tra tình trạng thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ấm đun nước siêu tốc	*Chiếc*	*01*		*Dung tích: ≥ 0,7 lít* *Công suất: ≥ 1000W*
	Cân sức khỏe	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Máy sấy tóc	*Chiếc*	*01*		*Công suất: ≥ 750W*
	Lọ hoa	*Chiếc*	*02*		*Kích thước, chủng loại phù hợp với bố trí tại buồng ngủ*
	Thùng rác	*Chiếc*	*02*		*Có nắp đậy. Kích thước phù hợp với bố trí tại buồng ngủ*
30	Đồ vải cung cấp trong phòng tắm	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn xếp đặt đồ cung cấp trên xe đẩy và trong phòng tắm	Kích thước thông dụng được sử dụng tại các khách sạn
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Khăn tắm	*Chiếc*	*05*		
	Khăn tay	*Chiếc*	*05*		
	Khăn mặt	*Chiếc*	*05*		
	Thảm chân	*Chiếc*	*02*		
	Áo choàng tắm	*Chiếc*	*04*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
31	Xí bệt	Chiếc	01	Dùng để thực hành quy trình làm vệ sinh	Loại thông dụng trên thị trường
32	Bồn tắm	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu quy trình làm vệ sinh và sắp xếp đồ dùng	
33	Chậu rửa mặt	Chiếc	01		
34	Gương soi	Chiếc	01		
35	Máy hút bụi	Chiếc	01	Dùng để rèn luyện kỹ năng sử dụng	- Công suất: ≥ 1000W - Dung tích: ≥ 10 lít - Có chức năng hút khô và ướt
36	Xe đẩy phục vụ buồng	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sắp xếp đồ trên xe đẩy và sử dụng trong quá trình phục vụ buồng khách	Có 2 đến 3 ngăn chứa đồ cung cấp, có túi chứa rác và túi chứa đồ vải bẩn riêng biệt
37	Bộ dụng cụ lau sàn	Bộ	02	Dùng để thực hành kỹ năng lau sàn ướt bằng phương pháp thủ công	Loại thông dụng trên thị trường
38	Dụng cụ lau bụi khô	Chiếc	02	Dùng để thực hành kỹ năng xử lý bụi khô trên bề mặt sàn cứng	Cán dài: ≥ 1600 mm
39	Đèn pin	Chiếc	01	Dùng để chiếu sáng khi làm vệ sinh và thực hiện sắp xếp đồ cung cấp	Loại thông dụng trên thị trường
40	Thanh gạt gương	Chiếc	02	Dùng để vệ sinh gương	Loại thông dụng trên thị trường
41	Khăn vệ sinh	Chiếc	30	Dùng để làm vệ sinh	Loại thông dụng trên thị trường
42	Bộ đàm	Chiếc	02	Dùng để giới thiệu các dồ dùng phục vụ khách lưu trú	Loại thông dụng trên thị trường

Bảng 12. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG

Tên nghề: Quản trị lễ tân
Mã số mô đun: MĐ 18
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Tivi	Chiếc	01	Dùng để trình chiếu nội dung giảng dạy bằng hình ảnh	Màn hình: ≥ 32 inches
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
3	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
4	Máy in	Chiếc	01	Dùng để thực hành in hóa đơn cho khách hàng	Loại thông dụng trên thị trường
5	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
6	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
7	Bàn các loại	Bộ	01	Dùng để xếp đặt, bố trí và làm vệ sinh	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bàn chữ nhật	*Chiếc*	*02*		
	Bàn vuông	*Chiếc*	*02*		
	Bàn tròn	*Chiếc*	*02*		
	Bàn chờ	*Chiếc*	*02*		
8	Ghế tựa	Chiếc	24	Dùng để hướng dẫn xếp đặt, bố trí và làm vệ sinh	Loại thông dụng trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Ghế cho trẻ em	Chiếc	02	Dùng để thực hành sắp xếp, bố trí và phục vụ	Loại thông dụng trên thị trường
10	Ly các loại	Bộ	24	Dùng để hướng dẫn, sắp đặt, bố trí, bưng, bê, thu dọn và phục vụ đồ uống	- Loại thông dụng trên thị trường - Phù hợp với thực đơn đồ uống
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ly vang trắng	*Chiếc*	*01*		
	Ly vang đỏ	*Chiếc*	*01*		
	Ly highball	*Chiếc*	*01*		
	Ly rock	*Chiếc*	*01*		
	Ly martini	*Chiếc*	*01*		
11	Bộ đồ ăn Á	Bộ	24	Dùng để hướng dẫn, sắp đặt, bố trí, bưng, bê, thu dọn và phục vụ theo kiểu Á	- Loại thông dụng trên thị trường - Phù hợp với thực đơn Á
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Chén	*Chiếc*	*01*		
	Đĩa kê	*Chiếc*	*01*		
	Đũa	*Đôi*	*01*		
	Thìa (muỗng)	*Chiếc*	*01*		
	Gối đũa	*Chiếc*	*01*		
	Chén tương	*Chiếc*	*01*		
	Lọ mắm	*Chiếc*	*01*		
	Lọ xì dầu	*Chiếc*	*01*		
12	Bộ đồ ăn Âu	Bộ	24	Dùng để sắp đặt, bố trí trên bàn ăn, phục vụ các món ăn khai vị, món chính, tráng miệng	- Loại thông dụng trên thị trường - Phù hợp với thực đơn Âu
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Đĩa bánh mỳ và dao ăn bơ	*Bộ*	*01*		
	Đĩa định vị, khai vị và ăn chính	*Bộ*	*01*		
	Bộ dao, thìa, nĩa khai vị	*Bộ*	*01*		
	Bộ dao, thìa, nĩa ăn chính	*Bộ*	*01*		
	Bộ dao, thìa, nĩa tráng miệng	*Bộ*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Lọ tiêu	*Chiếc*	*01*		
	Lọ muối	*Chiếc*	*01*		
13	Bộ dụng cụ phục vụ trà, cà phê	Bộ	05	Dùng để pha chế các và làm vệ sinh, sắp đặt và phục vụ trà/ cà phê	- Loại thông dụng trên thị trường - Phù hợp thực đơn uống
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ấm	*Chiếc*	*01*		
	Ly trà/cà phê	*Chiếc*	*01*		
	Đĩa kê	*Chiếc*	*01*		
	Thìa trà/cà phê	*Chiếc*	*01*		
14	Bộ đồ vải	Bộ	01	- Dùng để thực hành các kiểu gấp khăn ăn, trang trí bàn ăn trong nhà hàng; - Lau chùi các loại dụng cụ phục vụ trong nhà hàng (ly, tách, dao, nĩa, ...)	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Khăn trải bàn	*Chiếc*	*12*		*- Khăn bàn trang trí phù hợp với kích cỡ bàn;*
	Khăn ăn	*Chiếc*	*48*		*- Khăn ăn hút nước, có kích thước:* *≥ 50cm* x *50cm;*
	Khăn phục vụ	*Chiếc*	*24*		*- Kích thước:* *≥ 30cm* x *70cm*
	Khăn vệ sinh	*Chiếc*	*19*		*- Khăn vệ sinh đa năng hút nước*
	Bộ vải bao bàn và trang trí bàn buffet	*Bộ*	*02*		*Bộ vải bao phù hợp với kích thước của bàn và theo tiêu chuẩn phục vụ*
15	Bộ khay phục vụ nhà hàng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn sắp đặt món ăn, đồ uống trên khay, bưng khay theo các phương pháp khác nhau	Khay chống trơn trượt với kích thước thích hợp cho việc phục vụ
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Khay hình chữ nhật	*Chiếc*	*04*		
	Khay hình tròn	*Chiếc*	*04*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
16	Giá để khay	Chiếc	04	Dùng để thực hành phục vụ trung chuyển thức ăn	Kích cỡ và kiểu dáng phù hợp với từng loại khay
17	Tủ đựng dụng cụ phục vụ	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn cách sắp xếp, bảo quản các dụng cụ bằng kim loại, đồ vải và các dụng cụ khác	Kích thước: ≥ 1500mm x 1500mm; Có phân tầng, ngăn
18	Tủ lạnh	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn cách sắp xếp, bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh	Dung tích: ≥ 450 lít. Phù hợp với diện tích và bố trí phòng thực hành nhà hàng
19	Máy hút bụi	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn vận hành làm vệ sinh	Công suất: ≥ 1000W Dung tích: ≥ 10 lít Có chức năng hút khô và ướt
20	Ấm đun nước siêu tốc	Chiếc	02	Dùng để phục vụ pha đồ uống nóng	Dung tích: ≥ 0,7 lít Công suất: ≥ 1000W
21	Xe đẩy phục vụ (nhà hàng)	Chiếc	02	Dùng để thực hành phục vụ thức ăn, đồ uống	Loại thông dụng trên thị trường
22	Thùng rác	Chiếc	02	Dùng để đựng rác	Loại thông dụng trên thị trường
23	Lọ hoa	Chiếc	06	Dùng để thực hành kỹ năng cắm hoa	Phù hợp với loại bàn và bố trí tại nhà hàng

Bảng 13. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): AN TOÀN AN NINH KHÁCH SẠN

Tên nghề: Quản trị lễ tân
Mã số mô đun: MĐ 19
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	Dụng cụ chữa cháy cơ bản	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn nhận biết và thực hành sử dụng dụng cụ chữa cháy	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình bột	*Chiếc*	*01*		
	Bình bọt	*Chiếc*	*01*		
	Bình khí CO_2	*Chiếc*	*01*		
6	Bộ đàm	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn sử dụng bộ đàm trong liên lạc thông tin	Loại thông dụng trên thị trường
7	Bộ dụng cụ sơ cấp cứu	Bộ	01	Dùng để thực hành sơ cấp cứu nạn nhân tai nạn	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về Y tế
8	Đèn pin	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng trong tính huống khẩn cấp	Loại thông dụng trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Bộ chìa khóa	Bộ	01	Dùng trong quá trình thực hành an toàn	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Khóa cơ	*Chiếc*	*02*		*Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm*
	Khóa từ các loại	*Chiếc*	*02*		*Kích cỡ:* *≥ (Dài: 5,6cm;* *Rộng: 4,2 cm;* *Dày: 0,02cm);* *Kèm theo phần mềm quản lý khóa và bộ mã hóa thẻ*

Bảng 14. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): ĐĂNG KÝ GIỮ CHỖ

Tên nghề: Quản trị lễ tân
Mã số mô đun: MĐ 20
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm
2	Máy vi tính	Bộ	19		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	Kẹp lưu hồ sơ	Chiếc	03	Dùng để thực hành kỹ năng lưu hồ sơ	Loại thông dụng trên thị trường
6	Máy kiểm tra tiền	Chiếc	01	Dùng để thực hành thao tác kiểm tra tiền trong quá trình giao dịch	Loại thông dụng trên thị trường
7	Máy đếm tiền	Chiếc	01	Dùng để thực hành thao tác đếm tiền trong quá trình giao dịch	Loại thông dụng trên thị trường
8	Máy in	Chiếc	01	Dùng để thực hành in hóa đơn cho khách hàng	Loại thông dụng trên thị trường
9	Máy fax	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng nhận và xác nhận đặt buồng cho khách hàng	Loại thông dụng trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
10	Máy photocopy	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng vận hành sao chụp tài liệu	Loại thông dụng trên thị trường
11	Bộ dấu	Bộ	01	Dùng để thực hành sử dụng con dấu vào các văn bản liên quan tại bộ phận lễ tân	Theo quy định hiện hành
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dấu khách sạn có tên, địa chỉ, mã số thuế	*Chiếc*	*01*		
	Dấu hủy buồng	*Chiếc*	*01*		
	Dấu chỉnh sửa đặt buồng;	*Chiếc*	*01*		
	Dấu đã xác nhận	*Chiếc*	*01*		
	Dấu đã đặt cọc	*Chiếc*	*01*		
12	Dấu thời gian	Chiếc	02	Dùng để đóng dấu thời gian vào các việc ghi chép văn bản liên quan tại bộ phận lễ tân	Có các chữ số từ 0 đến 9
13	Giá để tờ rơi, tập gấp, danh thiếp	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thông tin và quảng cáo	Loại thông dụng trên thị trường
14	Phần mềm quản lý khách sạn	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm khi đăng ký giữ chỗ	Phiên bản thông dụng và cài đặt được 19 máy
15	Điện thoại để bàn	Chiếc	02	Dùng để thực hành các kỹ năng có sử dụng điện thoại	Được kết nối cặp song song; Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm

Bảng 15. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): ĐÓN TIẾP VÀ ĐĂNG KÝ KHÁCH LƯU TRÚ

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã số mô đun: MĐ 21
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	Quầy lễ tân	Chiếc	01	- Dùng để hướng dẫn cách bố trí, sắp xếp thiết bị, dụng cụ tại quầy lễ tân; - Thực hành kỹ năng đón tiếp, làm thủ tục đăng ký, giao tiếp và thanh toán...	Kích thước phù hợp với phòng thực hành lễ tân
6	Kẹp lưu hồ sơ	Chiếc	03	Dùng để thực hành kỹ năng lưu hồ sơ	Loại thông dụng trên thị trường
7	Giá để chìa khóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sắp xếp và bảo quản chìa khóa buồng	Loại thông dụng trên thị trường
8	Chìa khóa	Bộ	01	Sử dụng để thực hành thao tác giao nhận và hướng dẫn khách sử dụng các loại khóa	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Khóa cơ	*Chiếc*	*10*		*Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm*

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Khóa từ các loại	*Chiếc*	*10*		*Kích cỡ: ≥ (Dài: 5,6cm; Rộng: 4,2cm; Dày: 0,02cm);* *Kèm theo phần mềm quản lý khóa và bộ mã hóa thẻ*
9	Két sắt nhiều ngăn	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành sử dụng tại quầy lễ tân	Loại thông dụng trên thị trường
10	Tổng đài điện thoại	Bộ	01	Dùng để thực hành các kỹ năng liên quan đến điện thoại	Loại thông dụng trên thị trường. Có ít nhất có 6 trung kế
11	Máy cà thẻ thanh toán	Bộ	01	Dùng để thực hành quy trình thanh toán bằng thẻ tín dụng	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Máy cà thẻ thủ công	*Chiếc*	*02*		
	Máy cà thẻ tự động	*Chiếc*	*02*		
12	Máy mã hóa thẻ khóa khách sạn	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng mã hóa thẻ khóa từ	Loại thông dụng trên thị trường
13	Máy kiểm tra tiền	Chiếc	01	Dùng để thực hành thao tác kiểm tra tiền trong quá trình giao dịch	Có chức năng phát hiện các loại tiền giả (tiền giấy và tiền polymer, các loại ngoại tệ phổ biến)
14	Máy in	Chiếc	01	Dùng để thực hành in hóa đơn cho khách hàng	Loại thông dụng trên thị trường
15	Máy fax	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng máy tại bộ phận lễ tân	Loại thông dụng trên thị trường
16	Xe đẩy hành lý	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sắp xếp và vận chuyển hành lý	Loại thông dụng trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
17	Mẫu bảng giá ngoại tệ	Chiếc	01	Dùng để niêm yết tỷ giá các loại ngoại tệ phổ biến	Kích thước: ≥ dài 60cm; rộng 40cm
18	Bộ dấu	Bộ	01	Dùng để thực hành sử dụng con dấu vào các văn bản khi đón tiếp và đăng ký khách lưu trú	Theo quy định hiện hành
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dấu khách sạn có tên, địa chỉ, mã số thuế	*Chiếc*	*01*		
	Dấu đã đặt cọc	*Chiếc*	*01*		
19	Dụng cụ dập thời gian	Chiếc	02	Dùng để đóng dấu thời gian	Có các chữ số từ 0 đến 9
20	Giá để tờ rơi, tệp gấp, danh thiếp	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thông tin và quảng cáo	Loại thông dụng trên thị trường
21	Phần mềm quản trị khách sạn	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm khi làm thủ tục nhận buồng	Loại thông dụng trên thị trường
22	Bộ bàn, ghế	Bộ	01	Dùng cho khách ngồi nghỉ khi lễ tân thực hiện thao tác	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
23	Đồng hồ treo tường	Chiếc	06	Dùng để thông báo giờ quốc tế	Loại thông dụng trên thị trường
24	Mẫu các loại thẻ thanh toán	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn cách nhận biết và sử dụng các loại thẻ thanh toán	Loại thông dụng tương ứng với phiên bản sử dụng trong thực tế
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Séc du lịch bao gồm:				
	Amex	*Chiếc*	*02*		
	Master	*Chiếc*	*02*		
	Visa	*Chiếc*	*02*		
	Thẻ tín dụng bao gồm:				
	Amex	*Chiếc*	*02*		
	Visa	*Chiếc*	*02*		
	Master	*Chiếc*	*02*		

Bảng 16. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): PHỤC VỤ KHÁCH LƯU TRÚ

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã số mô đun: MĐ 22
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm. Ghi và kẹp giấy	- Loại thông dụng trên thị trường - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	Quầy lễ tân	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn cách bố trí, sắp xếp thiết bị, dụng cụ tại quầy lễ tân; thực hành kỹ năng đón tiếp, làm thủ tục đăng ký, giao tiếp và thanh toán...	Kích thước phù hợp với phòng thực hành lễ tân
6	Kẹp lưu hồ sơ	Chiếc	03	Dùng để thực hành kỹ năng lưu hồ sơ	Loại thông dụng trên thị trường
7	Giá để chìa khóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sắp xếp và bảo quản chìa khóa	Loại thông dụng trên thị trường
8	Chìa khóa	Bộ	01	Sử dụng để thực hành thao tác giao nhận và hướng dẫn khách sử dụng các loại khóa	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Khóa cơ	*Chiếc*	*10*		*Loại thông dụng trên thị trường*

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Khóa từ các loại	*Chiếc*	*10*		*Kích cỡ: ≥ (Dài: 5,6cm; Rộng: 4,2 cm; Dày: 0,02cm);* *Kèm theo phần mềm quản lý khóa và bộ mã hóa thẻ*
9	Két sắt nhiều ngăn	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành sử dụng tại quầy lễ tân	Loại thông dụng trên thị trường
10	Tổng đài điện thoại	Bộ	01	Dùng để thực hành các kỹ năng liên quan đến điện thoại	Loại thông dụng trên thị trường. Có ít nhất 6 trung kế
11	Máy thanh toán thẻ tín dụng	Bộ	01	Dùng để thực hành quy trình thanh toán bằng thẻ tín dụng	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Máy thủ công	*Chiếc*	*02*		
	Máy tự động	*Chiếc*	*02*		
12	Máy mã hóa thẻ khóa khách sạn	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng mã hóa thẻ khoá từ	Loại thông dụng trên thị trường
13	Máy kiểm tra tiền	Chiếc	01	Dùng để thực hành thao tác kiểm tra tiền trong quá trình giao dịch	Loại thông dụng trên thị trường
14	Máy đếm tiền	Chiếc	01	Dùng để thực hành thao tác đếm tiền trong quá trình giao dịch	Loại thông dụng trên thị trường
15	Máy in	Chiếc	01	Dùng để thực hành in hóa đơn cho khách hàng	Loại thông dụng trên thị trường
16	Máy fax	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng máy	Loại thông dụng trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
17	Máy photocopy	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng vận hành sao chụp tài liệu	Loại thông dụng trên thị trường
18	Mẫu bảng giá ngoại tệ	Chiếc	01	Dùng để niêm yết tỷ giá các loại ngoại tệ phổ biến	Kích thước: ≥ (dài 60cm; rộng 40cm)
19	Bộ dấu	Bộ	01	Dùng để thực hành sử dụng con dấu vào các văn bản	Theo quy định hiện hành
	Mỗi bộ bao gồm:				
	- Dấu khách sạn có tên, địa chỉ, mã số thuế	*Chiếc*	*01*		
	- Dấu đã nhập chi phí	*Chiếc*	*01*		
	- Dấu đã xuất tiền mượn	*Chiếc*	*01*		
20	Giá để tờ rơi, tệp gấp, danh thiếp, bản đồ	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thông tin và quảng cáo, chỉ đường cho khách	Loại thông dụng trên thị trường
21	Phần mềm quản trị khách sạn	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm khi phục vụ khách lưu trú	Loại thông dụng trên thị trường
22	Phần mềm tổng đài	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm khi nghe, nhận, chuyển tiếp cuộc gọi	Loại thông dụng trên thị trường
23	Đồng hồ treo tường	Chiếc	06	Dùng để thông báo giờ quốc tế	Loại thông dụng trên thị trường
24	Bộ bàn, ghế	Bộ	01	Dùng cho khách ngồi nghỉ khi lễ tân thực hiện thao tác	Kích thước phù hợp với phòng thực hành

Bảng 17. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): TRẢ BUỒNG VÀ THANH TOÁN

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã số mô đun: MĐ 23
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	Quầy lễ tân	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn cách bố trí, sắp xếp thiết bị, dụng cụ tại quầy lễ tân; thực hành kỹ năng đón tiếp, làm thủ tục đăng ký, giao tiếp và thanh toán...	Kích thước phù hợp với phòng thực hành lễ tân
6	Kẹp lưu hồ sơ	Chiếc	03	Dùng để thực hành kỹ năng lưu hồ sơ	Loại thông dụng trên thị trường
7	Giá để chìa khóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sắp xếp và bảo quản chìa khóa buồng	Loại thông dụng trên thị trường
8	Chìa khóa	Bộ	01	Sử dụng để thực hành thao tác giao	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:				

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Khóa cơ	*Chiếc*	*10*	nhận và hướng dẫn khách sử dụng các loại khóa	*Loại thông dụng trên thị trường*
	Khóa từ các loại	*Chiếc*	*10*		*Kích cỡ: ≥ (Dài: 5,6cm; Rộng: 4,2 cm; Dày: 0,02cm);* *Kèm theo phần mềm quản lý khóa và bộ mã hóa thẻ*
9	Két sắt nhiều ngăn	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành sử dụng tại quầy lễ tân	Loại thông dụng trên thị trường
10	Tổng đài điện thoại	Bộ	01	Dùng để thực hành các kỹ năng liên quan đến điện thoại	Loại thông dụng trên thị trường. Có ít nhất 6 trung kế
11	Máy thanh toán thẻ tín dụng	Bộ	01	Dùng để thực hành quy trình thanh toán bằng thẻ tín dụng	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Máy thủ công	*Chiếc*	*02*		
	Máy tự động	*Chiếc*	*02*		
12	Máy mã hóa thẻ khóa khách sạn	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng mã hóa thẻ khoá từ	Loại thông dụng trên thị trường
13	Máy kiểm tra tiền	Chiếc	01	Dùng để thực hành thao tác kiểm tra tiền trong quá trình giao dịch	Loại thông dụng trên thị trường
14	Máy đếm tiền	Chiếc	01	Dùng để thực hành thao tác đếm tiền trong quá trình giao dịch	Loại thông dụng trên thị trường
15	Máy in	Chiếc	01	Dùng để thực hành in hóa đơn cho khách hàng	Loại thông dụng trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
16	Máy fax	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng máy	Loại thông dụng trên thị trường
17	Máy photocopy	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng vận hành sao chụp tài liệu	Loại thông dụng trên thị trường
18	Mẫu bảng giá ngoại tệ	Chiếc	01	Dùng để niêm yết tỷ giá các loại ngoại tệ phổ biến	Kích thước: ≥ (Dài 60cm; Rộng 40cm)
19	Bộ dấu	Bộ	01	Dùng để thực hành sử dụng con dấu vào các văn bản tại bộ phận lễ tân	Theo quy định hiện hành
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dấu khách sạn có tên, địa chỉ, mã số thuế	*Chiếc*	*01*		
	Dấu đã thanh toán	*Chiếc*	*01*		
	Dấu đã trả buồng	*Chiếc*	*01*		
20	Dụng cụ dập thời gian	Chiếc	02	Dùng để đóng dấu thời gian vào các việc ghi chép văn bản tại bộ phận lễ tân	Có các chữ số từ 0 đến 9
21	Giá để tờ rơi, tập gấp, danh thiếp, tờ góp ý	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thông tin và quảng cáo	Loại thông dụng trên thị trường
22	Phần mềm quản trị khách sạn	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm khi trả buồng	Loại thông dụng trên thị trường
23	Đồng hồ treo tường	Chiếc	06	Dùng để thông báo giờ quốc tế	Loại thông dụng trên thị trường
24	Bộ bàn, ghế	Bộ	01	Dùng cho khách ngồi nghỉ khi lễ tân thực hiện thao tác	Kích thước phù hợp với phòng thực hành

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
25	Mẫu các loại thẻ thanh toán	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn cách nhận biết và sử dụng các loại thẻ thanh toán	Loại thông dụng tương ứng với phiên bản sử dụng trong thực tế
	Mỗi bộ Séc du lịch bao gồm:				
	Amex	*Chiếc*	*02*		
	Master	*Chiếc*	*02*		
	Visa	*Chiếc*	*02*		
	Mỗi bộ thẻ tín dụng bao gồm:				
	Amex	*Chiếc*	*02*		
	Visa	*Chiếc*	*02*		
	Master	*Chiếc*	*02*		
26	Máy tính cầm tay	Chiếc	02	Dùng để thực hành kỹ năng tính tiền	Loại thông dụng trên thị trường

Bảng 18. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): BÁO CÁO LỄ TÂN

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã số môn học: MĐ 24
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W

Bảng 19. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): TIN HỌC LỄ TÂN

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã môn học: MĐ 25
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên và thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để thực hành kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của phần mềm quản trị khách sạn	- Loại thông dụng trên thị trường - Cài đặt phần mềm quản trị khách sạn
3	Máy in	Chiếc	01	Dùng để thực hành in văn bản	Loại thông dụng trên thị trường
4	Phần mềm quản lý khách sạn	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm	Phiên bản thông dụng. Cài đặt được 19 máy
5	Hệ thống mạng LAN	Bộ	01	Dùng để thực hành kết nối mạng nội bộ và mạng internet	Kết nối được 19 máy vi tính và có đường truyền internet

Bảng 20. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT KHÁCH SẠN

Tên nghề: Quản trị khách sạn
Mã số môn học: MĐ 26
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên và thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W

Bảng 21. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Tên nghề: Quản trị Lễ Tân
Mã số môn học: MH 27
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W

Bảng 22. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Tên nghề: Quản trị Lễ Tân
Mã số môn học: MH 28
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W

Bảng 23. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): TỔ CHỨC GIÁM SÁT VÀ ĐÀO TẠO
TẠI BỘ PHẬN LỄ TÂN

Tên nghề: Quản trị Lễ tân
Mã số mô đun: MĐ 29
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh và thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W

Bảng 24. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): NGHIỆP VỤ LỄ TÂN NÂNG CAO

Tên nghề: Quản trị Lễ Tân
Mã số mô đun: MĐ 30
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên và thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm
2	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
3	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
4	Loa	Chiếc	01	Dùng để khuếch đại âm thanh	Công suất: ≥ 10W
5	Quầy lễ tân	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng đón tiếp, làm thủ tục đăng ký, giao tiếp và thanh toán...	Phù hợp kích thước phòng thực hành lễ tân
6	Kẹp lưu hồ sơ	Chiếc	03	Dùng để thực hành kỹ năng lưu hồ sơ	Loại thông dụng trên thị trường
7	Máy in	Chiếc	01	Dùng để thực hành in các văn bản biểu mẫu cần thiết	Loại thông dụng trên thị trường
8	Tủ hồ sơ	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng lưu hồ sơ đặt buồng và các loại văn bản khác	Loại thông dụng trên thị trường
9	Phần mềm quản lý khách sạn	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm	Loại thông dụng trên thị trường

Bảng 25. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH CƠ BẢN (TIẾNG ANH)

Tên nghề: Quản trị Lễ Tân
Mã số mô đun: MĐ 33
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phòng Lab	Phòng	01	Dùng để rèn luyện kỹ năng nghe, nói, trao đổi thông tin giữa giáo viên và sinh viên, đánh giá trình độ của sinh viên	Đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
3	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
4	Máy cassette	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng nghe hiểu ngoại ngữ	Loại thông dụng trên thị trường. Đáp ứng kết nối VCD, DVD, USB
5	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy

Bảng 26. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH (TIẾNG ANH)

Tên nghề: Quản trị Lễ Tân
Mã số mô đun: MĐ 34
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn Vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phòng Lab	Phòng	01	Dùng để rèn luyện kỹ năng nghe, nói, trao đổi thông tin giữa giáo viên và sinh viên, đánh giá trình độ của sinh viên	Đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800) mm
3	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường
4	Máy cassette	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng nghe hiểu ngoại ngữ	Loại thông dụng trên thị trường. Đáp ứng kết nối VCD, DVD, USB
5	Bảng di động	Chiếc	02	Dùng để thảo luận và làm bài tập nhóm	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy

Phần B
TỔNG HỢP THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Bảng 27. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Tên nghề: Quản trị Lễ tân

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Dùng cho lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên và lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	THIẾT BỊ AN TOÀN BẢO HỘ LAO ĐỘNG			
1	Biển báo 02 mặt	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
2	Bảng chỉ dẫn thoát hiểm	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
3	Dụng cụ chữa cháy cơ bản	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bình bột	*Chiếc*	*01*	
	Bình bọt	*Chiếc*	*01*	
	Bình khí CO_2	*Chiếc*	*01*	
4	Bộ dụng cụ sơ cấp cứu	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về thiết bị Y tế
	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ CHUYÊN NGÀNH			
5	Máy in	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
6	Máy fax	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
7	Máy Scan	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
8	Máy Photocopy	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
9	Điện thoại để bàn	Chiếc	02	- Loại thông dụng trên thị trường - Được kết nối cặp song song
10	Gương soi	Chiếc	04	Kích thước: ≥ 0,8m x 1,6m
11	Hộp đựng danh thiếp	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
12	Sổ lưu danh thiếp	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
13	La bàn	Chiếc	06	Loại thông dụng trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
14	Mẫu các loại thẻ thanh toán	Bộ	01	Loại thông dụng tương ứng với phiên bản sử dụng trong thực tế
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Séc du lịch:			
	Amex	*Chiếc*	*02*	
	Citicop		*02*	
	Visa		*02*	
	Thẻ tín dụng:			
	Amex	*Chiếc*	*02*	
	Visa		*02*	
	Master		*02*	
15	Máy kiểm tra tiền	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
16	Máy đếm tiền	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
17	Kẹp lưu hồ sơ	Chiếc	07	Loại thông dụng trên thị trường
18	Tủ đựng hồ sơ	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
19	Dấu thời gian	Chiếc	02	Có các chữ số từ 0 đến 9
20	Tủ lạnh	Chiếc	01	Dung tích phù hợp với diện tích và bố trí trong phòng thực hành buồng
21	Dụng cụ mở rượu, bia	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
22	Giá hành lý	Chiếc	01	Kích thước phù hợp diện tích buồng
23	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01	Kích thước phù hợp diện tích buồng
24	Bàn, ghế trang điểm	Bộ	01	Kích thước phù hợp diện tích buồng. Có gương soi
25	Dép đi trong phòng	Đôi	04	Kích thước, chủng loại phù hợp với bố trí tại buồng ngủ
26	Tranh treo tường	Chiếc	02	Kích thước phù hợp với diện tích buồng
27	Máy điều hòa	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
28	Giường ngủ	Bộ	01	Kích thước theo tiêu chuẩn thông dụng của các khách sạn
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Giường đôi	*Chiếc*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Giường đơn	*Chiếc*	*01*	
	Giường phụ (extra - bed)	*Chiếc*	*01*	
29	Cũi cho em bé	Chiếc	01	Kích thước và chủng loại phù hợp với bố trí tại buồng ngủ
30	Đồ vải trải giường	Bộ	01	Kích thước thông dụng, phù hợp với các cỡ giường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ga trải giường đơn	*Chiếc*	*04*	
	Ga trải giường đôi	*Chiếc*	*02*	
	Vỏ chăn	*Chiếc*	*06*	
	Chăn	*Chiếc*	*03*	
	Tấm bảo vệ nệm đơn	*Chiếc*	*02*	
	Tấm bảo vệ nệm đôi	*Chiếc*	*01*	
	Gối	*Chiếc*	*08*	
	Vỏ gối	*Chiếc*	*16*	
	Gối trang trí	*Chiếc*	*04*	
	Dải trang trí giường đơn	*Chiếc*	*02*	
	Dải trang trí giường đôi	*Chiếc*	*01*	
31	Tủ quần áo	Chiếc	01	- Kích thước phù hợp với kích cỡ phòng; - Có móc treo áo quần
32	Mắc treo quần áo	Chiếc	10	Kích thước, chủng loại phù hợp với bố trí tại buồng ngủ
33	Két an toàn cá nhân	Chiếc	01	Kích thước: ≥ 23cm x 40cm x 34cm
34	Cây đeo giày	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
35	Rèm cửa sổ	Bộ	01	Gồm 2 lớp: 1 lớp mỏng và 1 lớp dày
36	Chuông gọi cửa	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
37	Bộ bàn trà	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bàn trà	*Chiếc*	*01*	
	Ghế	*Chiếc*	*02*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Bộ ly tách: *- Ấm trà* *- Ly*	*Bộ* *Chiếc* *Chiếc*	*01* *01* *02*	
38	Gạt tàn	Chiếc	01	Kích thước phù hợp kích cỡ bàn
39	Bộ đèn	Bộ	01	Kích thước thông dụng, phù hợp với bố trí trong buồng ngủ
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Đèn đọc sách	*Chiếc*	*02*	
	Đèn ngủ	*Chiếc*	*02*	
	Đèn đứng	*Chiếc*	*01*	
40	Đồ cung cấp dành cho khách	Bộ	01	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ấm đun nước siêu tốc	*Chiếc*	*01*	Dung tích: ≥ 0,7 lít; Công suất: ≥ 1000W
	Cân sức khỏe	*Chiếc*	*01*	Loại thông dụng trên thị trường
	Máy sấy tóc	*Chiếc*	*01*	Công suất: ≥ 750W
	Lọ hoa	*Chiếc*	*02*	Kích thước, chủng loại phù hợp với bố trí tại buồng ngủ
	Thùng rác	*Chiếc*	*02*	Có nắp đậy. Kích thước phù hợp với bố trí tại buồng ngủ
41	Đồ vải cung cấp trong phòng tắm	Bộ	03	Kích thước thông dụng được sử dụng tại các khách sạn
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Khăn tắm	*Chiếc*	*02*	
	Khăn tay	*Chiếc*	*02*	
	Khăn mặt	*Chiếc*	*02*	
	Thảm chân	*Chiếc*	*01*	
	Áo choàng tắm	Chiếc	02	
42	Xí bệt	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
43	Bồn tắm	Chiếc	01	
44	Chậu rửa mặt	Chiếc	01	
45	Gương soi	Chiếc	01	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
46	Máy hút bụi	Chiếc	01	Công suất: ≥ 1000W; Dung tích: ≥10 lít; Có chức năng hút khô và ướt
47	Xe đẩy phục vụ buồng	Chiếc	01	Có 2 đến 3 ngăn chứa đồ cung cấp, có túi chứa rác và túi chứa đồ vải bẩn riêng biệt
48	Bộ dụng cụ lau sàn	Bộ	02	Loại thông dụng trên thị trường
49	Dụng cụ lau bụi khô	Chiếc	02	Cán dài: ≥ 1,6m
50	Đèn pin	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
51	Thanh gạt gương	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
52	Khăn vệ sinh	Chiếc	30	Loại thông dụng trên thị trường
53	Bộ đàm	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
54	Bàn các loại	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bàn chữ nhật	*Chiếc*	*02*	
	Bàn vuông	*Chiếc*	*02*	
	Bàn tròn	*Chiếc*	*02*	
	Bàn chờ	*Chiếc*	*02*	
55	Ghế tựa	Chiếc	24	Phù hợp với kích thước bàn và loại hình nhà hàng
56	Ghế cho trẻ em	Chiếc	01	Phù hợp với kích thước bàn và loại hình nhà hàng
57	Ly các loại	Bộ	24	- Loại thông dụng trên thị trường - Phù hợp với thực đơn đồ uống
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ly vang trắng	*Chiếc*	01	
	Ly vang đỏ	*Chiếc*	01	
	Ly highball	*Chiếc*	01	
	Ly rock	*Chiếc*	01	
	Ly martini	*Chiếc*	01	
58	Bộ đồ ăn Á	Bộ	24	- Loại thông dụng trên thị trường - Phù hợp với thực đơn Á
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Chén	*Chiếc*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Đĩa kê	*Chiếc*	*01*	
	Đũa	*Đôi*	*01*	
	Thìa (muỗng)	*Chiếc*	*01*	
	Gối đũa	*Chiếc*	*01*	
	Chén tương	*Chiếc*	*01*	
	Lọ mắm	*Chiếc*	*01*	
	Lọ xì dầu	*Chiếc*	*01*	
59	Bộ đồ ăn Âu	Bộ	24	- Loại thông dụng trên thị trường - Phù hợp với thực đơn Âu
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Đĩa bánh mỳ và dao ăn bơ	*Bộ*	*01*	
	Đĩa định vị, khai vị và ăn chính	*Bộ*	*01*	
	Bộ dao, thìa, nĩa khai vị	*Bộ*	*01*	
	Bộ dao, thìa, nĩa ăn chính	*Bộ*	*01*	
	Bộ dao, thìa, nĩa tráng miệng	*Bộ*	*01*	
	Lọ tiêu	*Chiếc*	*01*	
	Lọ muối	*Chiếc*	*01*	
60	Bộ dụng cụ phục vụ trà, cà phê	Bộ	05	- Loại thông dụng trên thị trường. - Phù hợp thực đơn uống
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ấm	*Chiếc*	*01*	
	Ly trà/cà phê	*Chiếc*	*01*	
	Đĩa kê	*Chiếc*	*01*	
	Thìa trà/cà phê	*Chiếc*	*01*	
61	Bộ đồ vải	Bộ	1	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Khăn trải bàn	*Chiếc*	*12*	*Khăn bàn trang trí phù hợp với kích cỡ bàn*
	Khăn ăn	*Chiếc*	*48*	*Kích thước: ≥ 50cm* x *50cm*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Khăn phục vụ	*Chiếc*	*24*	*Kích thước: ≥ 30cm x 70cm*
	Khăn vệ sinh	*Chiếc*	*19*	*Khăn vệ sinh đa năng phải hút nước*
	Bộ vải bao bàn và trang trí bàn buffet	*Bộ*	*02*	*Bộ vải bao phù hợp với kích thước của bàn và theo tiêu chuẩn phục vụ*
62	Bộ khay phục vụ nhà hàng	Bộ	04	Khay chống trơn trượt với kích thước thích hợp cho việc phục vụ
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Khay hình chữ nhật	*Chiếc*	*01*	
	Khay hình tròn	*Chiếc*	*01*	
63	Giá để khay	Chiếc	04	Kích cỡ và kiểu dáng phù hợp với từng loại khay
64	Tủ đựng dụng cụ phục vụ	Chiếc	02	Kích cỡ: ≥ 1,5m x 1,5m; Có phân tầng, ngăn
65	Tủ bảo quản rượu vang	Chiếc	01	Dung tích: ≥ 34 chai
66	Tủ lạnh	Chiếc	01	Dung tích: ≥ 450 lít. Phù hợp với diện tích và bố trí phòng thực hành nhà hàng
67	Xe đẩy phục vụ (nhà hàng)	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
68	Thùng rác	Chiếc	02	- Có nắp đậy; - Chất liệu bằng nhựa hoặc inox; - Kích thước: ≥ 50cm x 30cm
69	Lọ hoa	Chiếc	04	Phù hợp với loại bàn và bố trí tại nhà hàng
70	Bộ dấu	Bộ	01	Theo quy định hiện hành
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Dấu khách sạn có tên, địa chỉ, mã số thuế	*Chiếc*	*01*	
	Dấu đã đặt cọc	*Chiếc*	*01*	
	Dấu đã xác nhận	*Chiếc*	*01*	
	Dấu chỉnh sửa đặt buồng	*Chiếc*	*01*	
	Dấu hủy buồng	*Chiếc*	*01*	
	Dấu đã nhập chi phí	*Chiếc*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Dấu đã xuất tiền mượn	*Chiếc*	*01*	
	Dấu đã thanh toán	*Chiếc*	*01*	
	Dấu đã trả buồng	*Chiếc*	*01*	
71	Giá để tờ rơi, tệp gấp, danh thiếp	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
72	Quầy lễ tân	Chiếc	01	Kích thước phù hợp với phòng thực hành lễ tân
73	Giá để chìa khóa	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
74	Chìa khóa	Bộ	01	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Khóa cơ	*Chiếc*	*10*	*Có bảng gỗ (nhựa) đánh số buồng*
	Khóa từ các loại	*Chiếc*	*10*	*Kích cỡ: ≥ (Dài 5,6cm; Rộng: 4,2cm; Dày: 0,02cm); Kèm theo phần mềm quản lý khóa và bộ mã hóa thẻ*
75	Két sắt nhiều ngăn	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
76	Tổng đài điện thoại	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường. Có ít nhất 6 trung kế
77	Máy mã hóa thẻ khóa khách sạn	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
78	Xe đẩy hành lý	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường
79	Mẫu bảng giá ngoại tệ	Chiếc	01	Kích thước: ≥ (Dài 60cm; Rộng 40cm)
80	Bộ bàn, ghế	Bộ	01	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
81	Máy tính cầm tay	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
82	Đồng hồ treo tường	Chiếc	06	- Loại thông dụng trên thị trường - Phù hợp với quầy Lễ tân
83	Máy thanh toán thẻ tín dụng	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Máy thủ công	*Chiếc*	*02*	
	Máy tự động	*Chiếc*	*02*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
84	Phòng Lab	Phòng	01	Đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đồng bộ
85	Máy cassette	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường. Đáp ứng kết nối VCD, DVD, USB
86	Phần mềm kế toán	Bộ	01	Phiên bản thông dụng và cài đặt được 19 máy vi tính
87	Phần mềm tổng đài	Bộ	01	Phiên bản thông dụng trên thị trường
88	Phần mềm quản lý khách sạn	Bộ	01	Phiên bản thông dụng và cài đặt được 19 máy vi tính
	THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO			
89	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens. - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm
	Máy vi tính	Bộ	19	- Loại thông dụng trên thị trường - Cài đặt được phần mềm dạy tiếng anh, phần mềm quản lý khách sạn, phần mềm tổng đài
90	Tivi	Chiếc	01	Màn hình: ≥ 32 inches
91	Bảng di động	Chiếc	02	- Loại thông dụng trên thị trường. - Có khả năng ghim và kẹp giấy
92	Loa	Chiếc	01	Công suất: ≥ 10W
93	Hệ thống mạng LAN	Bộ	01	Kết nối được 19 máy và có đường truyền internet

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ QUẢN TRỊ LỄ TÂN

Trình độ: Cao đẳng nghề

(Kèm theo Quyết định số 1634/QĐ-BLĐTBXH ngày 13 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ trong Hội đồng thẩm định
1	Ông Nguyễn Ngọc Tám	Kỹ sư	Chủ tịch HĐTĐ
2	Ông Nguyễn Tuấn Dũng	Thạc sỹ	P. Chủ tịch HĐTĐ
3	Ông Vũ Đức Thoan	Thạc sỹ kỹ thuật	Ủy viên thư ký
4	Bà Đinh Nguyễn Mai Na	Thạc sỹ Quản trị lễ tân	Ủy viên
5	Bà Hồ Thị Thúy Nga	Thạc sỹ Quản trị lễ tân	Ủy viên
6	Bà Phan Thị Thu Hằng	Thạc sỹ Quản trị lễ tân	Ủy viên
7	Bà Phan Thị Kim Chi	Thạc sỹ Quản trị lễ tân	Ủy viên

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng